

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MỸ
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2019/KDTM - ST
Ngày 22 tháng 11 năm 2019
(*V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ, TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thuật;

Ông Đỗ Văn Hải.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận- Thư ký chính Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thơ, Kiểm sát viên

Trong các ngày 30 tháng 10 năm 2019 và ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2018/TLST-KDTM ngày 29 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST – KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2019/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt Sbank)

Trụ sở chính: 266-268 N, phường 8, quận 3 – thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần;

Theo văn bản ủy quyền số 3884/2017/GUQ – PL&TT ngày 14/12/2017

Đại diện theo ủy quyền của ông H: ông Trương Công Th – Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng thương mại cổ phần S; Theo văn bản ủy quyền số 02a/2018/GUQ – CNHY ngày 09/02/2018; (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang Đ, sinh năm 1974;

Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1978;

Đều có địa chỉ: thôn Trai Trang, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Ông Đ và bà T đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2018, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Công Th trình bày: Ngày 02/10/2013 Ngân hàng TMCP S với vợ chồng ông Nguyễn Quang Đ và bà Đỗ Thị T đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1327500143 với hạn mức tín dụng được cấp là 1.000.000.000đồng, thời hạn vay được xác định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ. Ngày 04/6/2014 giữa Ngân hàng TMCP S và vợ chồng bà Đỗ Thị T, ông Nguyễn Quang Đ đã ký kết Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 01 để nâng hạn mức tín dụng lên đến 1.200.000.000đồng và điều chỉnh thời hạn nhận tiền vay. Ngày 30/7/2015 giữa Ngân hàng TMCP S và vợ chồng bà Đỗ Thị T, ông Nguyễn Quang Đ đã ký kết Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 02 để điều chỉnh thời hạn nhận tiền vay. Tại giấy nhận nợ số LD1610000025 ngày 09/4/2016 quy định cụ thể. Số tiền nhận nợ là 1.200.000.000đồng, hình thức nhận nợ: chuyển khoản, mục đích sử dụng vốn bổ sung vốn kinh doanh thóc gạo, lãi suất cho vay cố định 9,2%/năm, thời hạn trả nợ là ngày 27/10/2016, trả lãi hàng tháng vào ngày 02, thực tế ngày 09/4/2016 phía Sbank đã giải ngân tổng số tiền 1.200.000.000đồng cho bên vay, vợ chồng bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Quang Đ đã nhận đủ số tiền trên.

Để đảm bảo cho khoản vay trên cùng ngày vợ chồng ông Đ và bà T có ký hợp đồng thế chấp bất động sản số 17 với Sbank thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 202, tờ bản đồ số 21 diện tích 181m² và tài sản gắn liền với đất ở thôn T, thị trấn Y, huyện YM, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD007239 do UBND huyện YM cấp ngày 05/11/2010 cho vợ chồng ông Đ và bà T.

Tính từ kỳ trả nợ ngày 09/4/2016 của Giấy nhận nợ trên, bà T ông Đ không thanh toán trả nợ cho Sbank như cam kết, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng không được. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 22/11/2019, vợ chồng ông Nguyễn Quang Đ và bà Đỗ Thị T còn nợ Sbank số tiền gốc là 389.145.000đồng; lãi trong hạn là 10.120.000 đồng; lãi quá hạn là 360.507.965 đồng. Tổng cộng là: 759.772.965 đồng Sacombank yêu cầu vợ chồng ông Đ và bà T phải trả số tiền này.

Trường hợp ông Đ bà T không trả được số tiền còn nợ cho Sbank thì theo hợp đồng thế chấp, Sbank có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án phát mại số tài sản đã thế chấp như trên để đảm bảo thu hồi nợ.

Bị đơn bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Quang Đ công nhận số nợ gốc và tiền lãi, mức lãi suất quá hạn như Sbank yêu cầu và đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian để ông bà trả nợ.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trên.

Quan điểm của Đại diện VKSND huyện YM xác định toàn bộ quá trình giải quyết, điều tra, xác minh vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Về phía nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của

mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về phía bị đơn chưa chấp hành, chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình để phiên tòa phải hoãn gây khó khăn cho việc xét xử.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Sbank

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, bà T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ và bà T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét hợp đồng tín dụng hạn mức số LD 1327500143 ngày 02/10/2013 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 01 và 02 được ký kết giữa Sacombank và vợ chồng ông Đ và bà T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật, nên có hiệu lực pháp luật. Liên quan đến khoản nợ của Sbank và vợ chồng ông Đ bà T đều xác định số tiền gốc và lãi, cách tính lãi, mức lãi suất và thời hạn trả như Ngân hàng Sbank trình bày là đúng. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ bà Đỗ Thị T còn nợ Sbank tiền gốc là 389.145.000đồng; lãi trong hạn là 10.120.000 đồng; lãi quá hạn là 360.507.965 đồng. Tổng cộng là: 759.772.965 đồng. Do đó Sbank yêu cầu vợ chồng ông Đ và bà T phải trả số tiền trên là có căn cứ chấp nhận.

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị T với Sbank: Các đương sự đều xác định việc ký kết hoàn toàn tự nguyện, tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Đ và bà T đã được UBND huyện YM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Sacombank yêu cầu TAND huyện YM giải quyết nếu ông Đ bà T không trả hoặc trả nợ không đầy đủ khoản nợ cho Sbank thì Sbank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản là mảnh đất tại thửa số 202, tờ bản đồ số 21 diện tích 181m² và tài sản gắn liền với đất ở thôn T, thị trấn Y, huyện YM, tỉnh Hưng Yên, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD007239 do UBND huyện YM cấp ngày 05/11/2010 cho vợ chồng ông Đ và bà T là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí: vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Hoàn trả Số tiền tạm ứng án phí Sbank đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 280, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 351, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 166 và 167 Luật đất đai; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Quang Đ và bà Đỗ Thị T phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần S tiền gốc là 389.145.000đồng; lãi trong hạn là 10.120.000 đồng; lãi quá hạn là 360.507.965 đồng. Tổng cộng là: 759.772.965 đồng (*Bảy trăm năm mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với nợ gốc cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận được quy định trong hợp đồng tín dụng hạn mức số LD 1327500143 ngày 02/10/2013 và Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 01 và 02 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị T

Khi án có hiệu lực pháp luật, nếu vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị T trả nợ xong bao gồm cả khoản nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, thì Ngân hàng thương mại cổ phần S phải giải chấp, trả vợ chồng ông Đ và bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD007239 do UBND huyện YM cấp ngày 05/11/2010. Nếu vợ chồng ông Đ và bà T không trả hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản là mảnh đất có số thửa 202, tờ bản đồ số 21 diện tích 181m² và tài sản gắn liền với đất ở thôn T, thị trấn Y, huyện YM, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD007239 do UBND huyện YM cấp ngày 05/11/2010, tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị T để đảm bảo thu hồi nợ.

Trong trường hợp số tiền phát mại thu hồi từ tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần S thì vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị T phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Đỗ Thị T phải nộp 34.390.000 đồng (*Ba mươi tư triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*) tiền án phí. Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 21.086.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002605 ngày 29/8/2018 của Chi cục thi hành án huyện YM.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện YM;
- Chi cục THA huyện YM;
- TAND tỉnh Hưng Yên
- UBND thị trấn Y;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phan Thị Nhiên

